

UBND TP THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

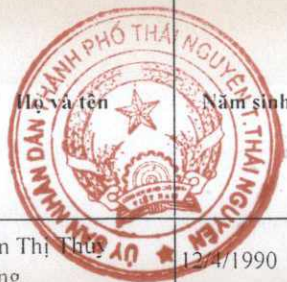
KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN NĂM 2016 - ĐỢT 1

CẤP THCS

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đăng ký dự tuyển				Đăng ký dự tuyển chức danh	Đơn vị dự tuyển	Hình thức dự tuyển	Môn đăng ký sát hạch	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm thực hành	Kết quả xét tuyển (DHT+DT N+DDTH x 2)	Ghi chú
				Trình độ	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Loại									
1	136	Vũ Thị Thu Hà	16/01/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán-Tin	Giỏi	Giáo viên Toán-Tin	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	79,1	79,1	66,5	291,2	
2	137	Nguyễn Thị Xuân	20/7/1991	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán-Tin	Giỏi	Giáo viên Toán-Tin	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	80,5	80,5	79	319	
3	138	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/3/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán-Lý	Giỏi	Giáo viên Toán-Lý	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	81,3	81,3	84	330,6	
4	139	Nguyễn Thị Hoa	08/8/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán-Lý	Giỏi	Giáo viên Toán-Lý	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	82,3	82,3	88	340,6	
5	140	Phùng Thị Hương	10/4/1991	Thạc sĩ	Chính quy	Toán giải tích		Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	79	88	87,5	342	
6	141	Bùi Thị Thảo	22/10/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Toán		Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	78,6	91	71,5	312,6	
7	142	Hà Thị Huyền Trang	17/12/1989	Thạc sĩ	Chính quy	Toán giải tích		Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Xét tuyển đặc cách	Toán	80	95	65	305	
8	143	Nguyễn Hương Quỳnh	25/10/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	Giỏi	Giáo viên tiếng Anh	THCS Chu Văn An	Xét tuyển đặc cách	Tiếng Anh	80,1	80,1	49,5	259,2	
9	144	Ngô Giang An	13/7/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Giỏi	Giáo viên Công nghệ	THCS Độc Lập	Xét tuyển đặc cách	Công nghệ	80,9	80,9	87,5	336,8	
10	145	Nguyễn Thị Hòa	21/12/1987	Thạc sĩ	Chính quy	Kỹ thuật điện		Giáo viên Công nghệ	THCS Độc Lập	Xét tuyển đặc cách	Công nghệ	70,1	83	71,5	296,1	
11	146	Hoàng Hồng Nga	14/7/1989	Thạc sĩ	Chính quy	Kỹ thuật và tự động hóa		Giáo viên Công nghệ	THCS Độc Lập	Xét tuyển đặc cách	Công nghệ	68,5	80	85	318,5	



TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đăng ký dự tuyển				Đăng ký dự tuyển chức danh	Đơn vị dự tuyển	Hình thức dự tuyển	Môn đăng ký sát hạch	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm thực hành	Kết quả xét tuyển (DHT+DT N+ĐĐTH x 2)	Ghi chú
				Trình độ	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Loại									
12	147	Hạ Thị Ngân	02/01/1989	Thạc sĩ	Chính quy	Toán sơ cấp		Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	78.2	78.2	82	320.4	
13	148	Hoàng Thu Hà	20/7/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Toán giải tích		Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	83.1	83.1	67.5	301.2	
14	149	Nguyễn Thị Thu	12/10/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Đại số và lý thuyết số		Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	81.6	81.6	74	311.2	
15	150	Mạc Thị Huyền	02/12/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Đại số và lý thuyết số		Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	77.7	89	82	330.7	
16	151	Nguyễn Lê Quyên	23/6/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán	Giỏi	Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	80	80	83.5	327	
17	152	Nguyễn Thị Thảo Ly	20/4/1992	Thạc sĩ	Chính quy	Toán giải tích		Giáo viên Toán	THCS Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Toán	81	81	75.5	313	
18	153	Bùi Văn Cương	02/9/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Địa lý	Giỏi	Giáo viên Địa lý	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Địa lý	80	80	84	328	
19	154	Nông Thị Kim Duyên	09/6/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Địa lý	Giỏi	Giáo viên Địa lý	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Địa lý	83	83	80	326	
20	155	Lê Thị Huyền	19/12/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Địa lý	Giỏi	Giáo viên Địa lý	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Địa lý	79.4	79.4	81.5	321.8	
21	156	Dương Thị Lê	13/6/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Địa lý		Giáo viên Địa lý	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Địa lý	84.2	84.2	90.5	349.4	
22	157	Nông Thị Hằng Nga	18/6/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Địa lý	Giỏi	Giáo viên Địa lý	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Địa lý	80.1	80.1	75	310.2	
23	158	Nguyễn Thị Thu Hương	18/11/1987	Thạc sĩ	Chính quy	Toán		Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán	81.7	81.7	83	329.4	
24	159	Nguyễn Thị Huyền	16/12/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm toán	Giỏi	Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán	82.4	82.4	36	236.8	
25	160	Hà Thị Linh	26/3/1991	Thạc sĩ	Chính quy	Toán		Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán	78.8	86	66.5	297.8	
26	161	Nguyễn Thị Luận	03/8/1991	Thạc sĩ	Chính quy	Sư phạm Toán	Khá	Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán					Bỏ KTTH



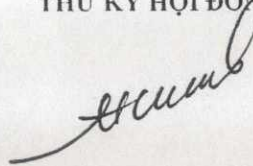
TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đăng ký dự tuyển				Đăng ký dự tuyển chức danh	Đơn vị dự tuyển	Hình thức dự tuyển	Môn đăng ký sát hạch	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm thực hành	Kết quả xét tuyển (ĐHT+ĐTN+ĐĐTH x 2)	Ghi chú
				Trình độ	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Loại									
27	162	Phạm Thị Thu Nhung	12/4/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Toán ứng dụng		Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán	72.5	94	47,5	261.5	
28	163	Chu Thị Thủy	7/01/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán	THCS Hương Sơn	Xét tuyển đặc cách	Toán	78.2	94	80,5	333.2	
29	164	Nguyễn Thị Ngân	13/9/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	Giỏi	Giáo viên tiếng Anh	THCS Lương Ngọc Quyến	Xét tuyển đặc cách	Tiếng Anh	79	79	59	276	
30	165	Trần Thị Hồng Nương	20/11/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Giỏi	Giáo viên Toán Lý	THCS Phú Xá	Xét tuyển đặc cách	Toán	79.4	79,4	80	318.8	
31	166	Nguyễn Lê Giang	12/02/1991	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Khá	Giáo viên Toán Lý	THCS Phúc Hà	Xét tuyển	Toán					Bỏ KTTH
32	167	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/3/1991	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Khá	Giáo viên Toán Lý	THCS Phúc Hà	Xét tuyển	Toán	77.3	77,3	87.25	329.1	
33	168	Nguyễn Thị Hà My	13/10/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Âm nhạc	Giỏi	Giáo viên Âm nhạc	THCS Phúc Triu	Xét tuyển đặc cách	Âm nhạc	79.7	79,7	80	319.4	
34	169	Trần Thị Thanh Hải	16/5/1989	Đại học	Chính quy	Sư phạm tiếng Anh	Khá	Giáo viên tiếng Anh	THCS Phúc Xuân	Xét tuyển	Tiếng Anh	76,7	89	87.5	340.7	
35	170	Nguyễn Việt Hùng	10/02/1981	Đại học	Chính quy	Tiếng Anh Sư phạm	Khá	Giáo viên tiếng Anh	THCS Phúc Xuân	Xét tuyển	Tiếng Anh	70	70	89	318	
36	171	Nguyễn Thị Phương	07/7/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Giỏi	Giáo viên Toán Lý	THCS Quyết Thắng	Xét tuyển đặc cách	Toán	81.9	81,9	83,5	330.8	
37	172	Đàm Thị Đào	15/9/1989	Thạc sĩ	Chính quy	Văn học Việt Nam		Giáo viên Ngữ văn	THCS Tân Cương	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	80.6	88	74	316.6	
38	173	Hoàng Thị Thu Hằng	24/02/1991	Thạc sĩ	Chính quy	Sư phạm Văn học		Giáo viên Ngữ văn	THCS Tân Cương	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	82.5	82,5	63,5	292	
39	174	Phan Thị Hồng Nhung	12/6/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	THCS Tân Cương	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	80.7	80,7	83,5	328.4	
40	175	Nguyễn Thị Nhung	02/01/1991	Thạc sĩ	Chính quy	Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	THCS Tân Cương	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	75.7	97	64.5	301.7	



TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đăng ký dự tuyển				Đăng ký dự tuyển chức danh	Đơn vị dự tuyển	Hình thức dự tuyển	Môn đăng ký sát hạch	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm thực hành	Kết quả xét tuyển (DHT+DT N+DDTH x 2)	Ghi chú
				Trình độ	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Loại									
41	176	Nguyễn Thị Trang	21/3/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	THCS Tân Cương	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	82.5	82.5	72	309	
42	177	Hoàng Ngọc Hạnh	24/6/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Lý luận và phương pháp dạy học toán		Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	80,1	80,1	93	346,2	
43	178	Nguyễn Thị Ánh Hồng	21/9/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán	Giỏi	Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	83,2	83,2	87,5	341,4	
44	179	Bùi Thị Lan Hương	30/4/1987	Thạc sĩ	Chính quy	Toán		Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	80	90	85	340	
45	180	Hoàng Tiến Ninh	02/5/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán	Giỏi	Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	82,4	82,4	89,5	343,8	
46	181	Bùi Thị Tuyền	02/02/1990	Thạc sĩ	Chính quy	Toán ứng dụng		Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	77,1	77,1	57	268,2	
47	182	Nguyễn Thị Tuyền	3/3/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán	Giỏi	Giáo viên Toán	THCS Tân Long	Xét tuyển đặc cách	Toán	79,9	79,9	88	335,8	
48	183	Nguyễn Thị Duyên	01/02/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Tin	Giỏi	Giáo viên Toán Tin	THCS Tân Thành	Xét tuyển đặc cách	Toán	81,1	81,1	70,5	303,2	
49	184	Đặng Thị Hiền	22/4/1991	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Tin	Giỏi	Giáo viên Toán Tin	THCS Tân Thành	Xét tuyển đặc cách	Toán	81,8	81,8	86,75	337,1	
50	185	Lại Thị Hương	5/01/1987	Thạc sĩ	Chính quy	Kỹ thuật công nghiệp		Giáo viên Công nghệ	THCS Tân Thành	Xét tuyển đặc cách	Công nghệ					Bò KTTH
51	186	Phùng Thị Lan	19/7/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Giỏi	Giáo viên Công nghệ	THCS Tân Thành	Xét tuyển đặc cách	Công nghệ	79,8	79,8	70	299,6	
52	187	Phạm Thị Hằng	14/4/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Giỏi	Giáo viên Toán Lý	THCS Tân Thịnh	Xét tuyển đặc cách	Toán	81,3	81,3	84,5	331,6	
53	188	Ngô Thị Nga	26/01/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Toán Lý	Giỏi	Giáo viên Toán Lý	THCS Tân Thịnh	Xét tuyển đặc cách	Toán	85,2	85,2	86,5	343,4	
54	189	Nguyễn Thị Chang	19/5/1992	Đại học	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Khá	Giáo viên tiếng Anh	THCS Thịnh Đức	Xét tuyển	Tiếng Anh	69,9	69,9	71	281,8	

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đăng ký dự tuyển				Đăng ký dự tuyển chức danh	Đơn vị dự tuyển	Hình thức dự tuyển	Môn đăng ký sát hạch	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm thực hành	Kết quả xét tuyển (ĐHT+DT N+DDTH x 2)	Ghi chú
				Trình độ	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Loại									
55	190	Nguyễn Thị Thùy Dương	17/8/1991	Đại học	Chính quy	Sư Phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	80	94	93,5	361	
56	191	Bùi Thị Hà	4/10/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	81,3	81,3	79	320,6	
57	192	Nguyễn Thị Liên	11/7/1993	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	80	80	73	306	
58	193	Hà Thị Thắm	25/4/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Văn-Địa	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	77,3	77,3	67,5	289,6	
59	194	Đinh Thị Thúy	15/7/1992	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	81,3	81,3	84,5	331,6	
60	195	Đinh Thị Trâm	20/02/1992	Đại học	Chính quy	Sư Phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	83,7	83,7	73,5	314,4	
61	196	Hoàng Thị Việt Trinh	9/12/1992	Thạc sĩ	Chính quy	Văn học Việt Nam		Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	83,6	83,6	63,5	294,2	
62	197	Dương Thị Uyên	19/01/1994	Đại học	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	Giáo viên Ngữ văn	Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng	Xét tuyển đặc cách	Ngữ văn	83,2	83,2	82,5	331,4	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Bùi Mạnh Tuyên

